TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2024/DS-ST
Ngày: 14-5-2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Nguyễn Hà Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương *sự:*

Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng D, sinh năm 1981; địa chỉ: số A L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 4 N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: 4 đường N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Minh P, sinh năm 1974; địa chỉ: 3 đường số C, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 129/51/58 đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 và các lần làm việc tại tòa nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Lê Minh P có quen biết và giao dịch công việc với nhau.

Ngày 19/5/2021 ông với bà P có thỏa thuận với nhau hùn vốn để cùng đặt cọc mua căn nhà số A đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

và bà P là người trực tiếp giao dịch đặt cọc tiền cho bên bán nhà.

Như đã thỏa thuận, ngày 19/5/2021 ông đã chuyển khoản vào tài khoản số 103003686111 mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần C, người thụ hưởng là Lê Minh P với số tiền là 200.000.000 đồng với nội dung ghi: TIEN DAT COC NHA 129/51/66 DUONG SO 2,P16,GO VAP.

Ngày 29/5/2021 lấy lý do là bên bán nhà đang cần 100.000.000 đồng nên bà P hối ông tiếp tục chuyển tiền để đưa cho bên bán. Bà P nói là bà có 50.000.000 đồng nên yêu cầu ông chuyển 50.000.000 đồng.

Ngày 01/6/2021 ông tiếp tục chuyển khoản vào tài khoản của bà P 50.000.000 đồng với nội dung ghi: DUNG CHUYEN CHI PHUONG TIEN DAT CỌC NHA NGUYEN THI DAO P16.

Tổng cộng ông đã chuyển cho bà P là 250.000.000 đồng nhưng khi ông yêu cầu bà P cung cấp hợp đồng đặt cọc đã ký kết với bên bán căn nhà số A đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà P không cung cấp được và hứa hẹn nhiều lần.

Tính đến ngày 22/9/2023 bà P vẫn chiếm giữ số tiền 250.000.000 đồng của ông mà không đặt cọc mua nhà như thỏa thuận cũng không có ý định hoàn lại. Ông nhiều lần liên lạc, gọi điện thoại thì ban đầu bà P hứa hẹn sẽ trả lại tiền nhưng sau đó né tránh không nghe điện thoại.

Nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà P phải trả lại cho ông số tiền 250.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 250.000.000 đồng bị đơn đã nhận của nguyên đơn. Quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp đòi lại tài sản". Bị đơn cư ngụ tại quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị Xuân D1 là vợ của ông D xác định số tiền 250.000.000 đồng tài sản riêng của ông D, không phải tài sản chung vợ chồng. Ông D xác định giao dịch này chỉ giữa ông D và bà P, không yêu cầu chồng bà P có trách nhiệm liên đới trả tiền do đó Hội đồng xét xử xác định vợ của ông D và chồng của bà P không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Ủy nhiệm chi ngày 19/5/2021 thể hiện nội dung ngày 19/5/2021 ông D đã thực hiện giao dịch chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào tài khoản số 103003686111 tại Ngân hàng thương mại cổ phần C, người thụ hưởng là bà P với nội dung "TIEN DAT COC NHA 129/51/66 DUONG SO 2,P16,GO VAP".

Căn cứ vào Bảng kê giao dịch do Ngân hàng thương mại cổ phần Á phát hành ngày 27/9/2022 thể hiện tài khoản của ông D đã thực hiện giao dịch chuyển số tiền 50.000.000 đồng với nội dung "DUNG CHUYEN CHI PHUONG TIEN DAT CỌC NHA NGUYEN THI DAO P16".

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 250.000.000 đồng là có thật.

Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện số tiền trên là tiền nguyên đơn hùn với bị đơn để đặt cọc mua nhà đất số A đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để chứng minh số tiền bị đơn nhận của nguyên đơn được sử dụng đúng theo thỏa thuận giữa các bên, ngày 21/11/2023 Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ về giao dịch đặt cọc mua nhà đất số A đường số B, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến nay bị đơn vẫn không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 "Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật".

Do bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh về số tiền bị đơn chiếm giữ của nguyên đơn đã sử dụng vào mục đích gì, số tiền còn lại là bao nhiêu nên việc bị đơn chiếm giữ tài sản của nguyên đơn là không có căn cứ pháp luật. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 250.000.000 đồng đã nhận ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (do bà H là người đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Minh P phải trả cho ông Phạm Hồng D số tiền là 250.000.000 đồng trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 đồng do bà Lê Minh P phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 6.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0012490 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn (do bà H là người đại diện theo ủy quyền) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Nguyễn Hà Hải